

BÁO CÁO KHOA HỌC TỔNG QUAN

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên ứng viên: HOÀNG ĐẠO CƯỜNG
2. Ngày tháng năm sinh: 22/08/1970; Nam ; Nữ ; Dân tộc: Kinh.
3. Quê quán: thôn Kim Lũ, xã Đại Kim, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.
4. Quá trình được đào tạo (ĐH, ThS, TS, TSKH):

Sau khi tốt nghiệp khoa Kiến trúc trường Đại học Kiến trúc Hà Nội (1987-1993), tôi đã có quá trình công tác như sau:

- Từ 1994 đến 1995, công tác tại Công ty Tư vấn di tích TW, Bộ Văn hoá Thông tin, vị trí nghề nghiệp Kiến trúc sư
- Từ 1995 đến 2011, đảm nhiệm vị trí Trưởng phòng Nghiên cứu Bảo tồn di tích - Viện Bảo tồn di tích, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
- Từ 2011 đến 2016: Giảng viên, Bộ môn Lý luận và Bảo tồn di sản, Khoa Kiến trúc - Đại học Kiến trúc Hà Nội, Bộ Xây dựng.
- Từ 04/2016 đến 11/2016: Phó Viện trưởng - Viện Bảo tồn di tích - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
- Từ 12/2016 đến 2/2019: Phó Viện trưởng phụ trách - Viện Bảo tồn di tích, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
- Từ 2/2019 đến nay: Viện trưởng, Viện Bảo tồn di tích - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Tại vị trí công tác của mình, tôi đã được đào tạo và rèn luyện trong các hoạt động chuyên môn gắn với lĩnh vực bảo tồn di sản kiến trúc. Tôi tiếp tục học sau Đại học và đã bảo vệ thành công Luận văn Thạc sĩ, Luận án Tiến sĩ:

- Được cấp bằng Thạc sĩ ngày 12/08/2003, ngành Kiến trúc, Đại học Kiến trúc Hà Nội, đề tài luận văn “*Giải pháp trùng tu và chỉnh trang kiến trúc đường Nguyễn Thái Học trong khu phố cổ Hội An*”
- Được cấp bằng Tiến sĩ ngày 17/08/2008, ngành Kiến trúc; chuyên ngành: Lý luận và Bảo tồn di sản, Đại học Kiến trúc Hà Nội, đề tài Luận án “*Nguyên tắc và kỹ thuật trùng tu nhằm bảo tồn các di tích kiến trúc gỗ ở Việt Nam*”

Tôi đã tham gia các hoạt động giảng dạy, hoạt động nghiên cứu khoa học và các hoạt động nghề nghiệp khác. Việc tham gia hoạt động nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học đã hỗ trợ cho tôi trong hoạt động giảng dạy, giúp việc truyền dạy kiến thức chuyên ngành sâu sắc và thực tế hơn. Tôi đã thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, nhiệm vụ khoa học cấp Bộ, cấp cơ sở; tham gia các khóa

học chuyên ngành, hội thảo quốc tế ngoài nước và trong nước và các dự án với đối tác nước ngoài, những hoạt động khoa học này giúp tôi hoàn thiện chuyên môn, trình độ ngoại ngữ, có thể kể đến:

- Hội thảo Quốc tế: “Kiến trúc truyền thống Đông nam Á”, SPAFA, Thái Lan, 2000
- Hội thảo Quốc tế giao lưu văn hóa Việt Nam – Nhật Bản, Đv tổ chức: Bộ Văn hóa Thông tin, JICA, ĐH nữ Chiêu Hòa, UBND tỉnh Quảng Nam, Quảng Nam, 2003
- Hội thảo Quốc tế “Quy trình kỹ thuật trùng tu đền tháp Chăm ở Mỹ Sơn, qua trường hợp tu bổ, bảo tồn phế tích kiến trúc tháp E7 và nhóm tháp G”, Mỹ Sơn, 2018.
- Hội thảo quốc tế “Chiến lược đào tạo và nghiên cứu nhằm bảo tồn phức hợp khảo cổ tiêu vùng sông Mekong”; Đv tổ chức: Viện Bảo tồn di tích, UBND tỉnh Quảng Nam, 2019.
- Tham gia xây dựng chương trình đào tạo hợp tác quốc tế thuộc dự án “Trung tâm đào tạo nghề trùng tu di tích và bảo tồn di tích văn hóa tại Quảng Nam, Việt Nam”, Đại học bách khoa Milan, Viện Bảo tồn di tích, 2017-2019.

5. Chức vụ hiện nay: Viện trưởng Viện Bảo tồn di tích - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Chức vụ cao nhất đã qua: Viện trưởng Viện Bảo tồn di tích, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

6. Cơ quan công tác hiện nay: Viện Bảo tồn di tích - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

7. Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học: Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội;

8. Đã nghỉ hưu từ tháng, năm:.....

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):.....

9. Hiện nay là (đánh dấu vào ô phù hợp):

Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng ; Nghiên cứu viên ; Cán bộ quản lý ;

Các công tác khác ; Hưu trí .

B. NỘI DUNG BÁO CÁO

I. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Đặt vấn đề và lý do xác định các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Trong quá trình hoạt động nghề nghiệp với vị trí công tác là cán bộ nghiên cứu và giảng viên bộ môn Lý luận và Bảo tồn di sản (từ 2011 - 2016 và quá trình thỉnh giảng từ 2016 - nay), tôi đã chủ trì và tham gia thực hiện nhiều đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, cấp cơ sở; các dự án xây dựng Tiêu chuẩn Việt Nam lĩnh vực bảo tồn di sản kiến trúc; đề án đào tạo bồi dưỡng chuyên ngành bảo tồn di tích; các nhiệm vụ khoa học về bảo vệ môi trường di tích. Hoạt động

nghiên cứu khoa học và giảng dạy của tôi tập trung ở lĩnh vực nghiên cứu về di sản kiến trúc và bảo tồn di sản kiến trúc , với các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Nghiên cứu cơ bản về di tích và công tác bảo tồn di tích, nhằm nhận diện đầy đủ, chính xác giá trị của di sản văn hóa, di tích, xây dựng cơ sở khoa học cho các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, di tích, đồng thời làm cơ sở khoa học cho công tác quản lý nhà nước; xây dựng và lưu trữ hồ sơ khoa học về di tích và công tác bảo tồn di tích; nghiên cứu thiết lập ngân hàng dữ liệu khoa học về hệ thống di tích toàn quốc phục vụ công tác bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích;
- Nghiên cứu về nguyên tắc, kỹ thuật bảo tồn trùng tu di tích đối với các loại hình di tích khác nhau (gỗ, gạch, đá). Trên cơ sở các vấn đề lý luận, lý thuyết chuyên ngành bảo tồn di tích, những kinh nghiệm thực tế trên thế giới về bảo tồn di tích, xem xét và vận dụng vào đặc điểm, hoàn cảnh cụ thể ở Việt Nam;
- Nghiên cứu khoa học chuyên ngành bảo tồn di tích; đề xuất các tiêu chuẩn, quy phạm, định mức kinh tế kỹ thuật, quy trình công nghệ và kỹ thuật bảo tồn di tích, bảo quản, phục chế hiện vật;
- Nghiên cứu đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, bao gồm nghiên cứu chương trình khung, nội dung chương trình đào tạo bồi dưỡng, kế hoạch đào tạo bồi dưỡng dành cho các đối tượng khác nhau trong chuyên ngành bảo tồn di tích: nhà quản lý, chủ di tích, đội ngũ thực thi công tác tu bổ di tích: kỹ sư, kiến trúc sư, thợ nghề, ...
- Nghiên cứu bảo vệ môi trường di tích đối với các loại hình di tích đa dạng khác nhau (khác nhau về quy mô, loại hình, chức năng, cấp quản lý, chủ sở hữu, ...), nghiên cứu các yếu tố tác động đến chất lượng môi trường di tích, bao gồm môi trường tự nhiên và môi trường xã hội; nghiên cứu đề xuất các giải pháp bảo vệ môi trường di tích, bao gồm các giải pháp về kỹ thuật, quản lý; xây dựng mô hình quản lý bảo vệ môi trường di tích; nghiên cứu dự báo các nguy cơ tác động đến môi trường di tích trong tương lai.
- Nghiên cứu cơ chế chính sách trong công tác bảo tồn di sản; mối quan hệ giữa cộng đồng và các cấp quản lý trong công tác bảo tồn di sản; xây dựng luận cứ khoa học trong lĩnh vực quản lý, bảo tồn (phục vụ hoạch định chiến lược, cơ chế, chính sách, quy hoạch bảo tồn các khu di tích, các điểm di tích).

2. Phương pháp và kết quả nghiên cứu:

** Phương pháp nghiên cứu chủ yếu*

Bảo tồn di tích là hoạt động chuyên ngành mang tính đặc thù cao, công tác nghiên cứu bảo tồn di tích là công tác đòi hỏi các kiến thức chuyên ngành về lịch sử, văn hóa - xã hội, về kiến trúc - xây dựng, công nghệ truyền thống mang tính chuyên sâu, đồng thời cũng cần hiểu biết về các đặc điểm kinh tế xã hội, cơ chế chính sách nhằm giải quyết mâu thuẫn giữa bảo tồn và phát triển. Nghiên cứu chuyên ngành bảo tồn di tích là hoạt động khoa học cần bám sát thực tiễn, đáp ứng các nhu cầu của thực tiễn, chú trọng tính ứng dụng và tính khả thi. Trên

cơ sở các vấn đề lý luận, lý thuyết chuyên ngành bảo tồn di tích, những kinh nghiệm thực tế trên thế giới về bảo tồn di tích, xem xét và vận dụng vào đặc điểm, hoàn cảnh cụ thể ở Việt Nam để nghiên cứu, đánh giá và đề xuất giải pháp. Các phương pháp nghiên cứu thường được sử dụng có thể kể đến:

- Phương pháp nghiên cứu tài liệu: tập hợp, khảo cứu các tài liệu trong, ngoài nước có liên quan tại các trung tâm lưu trữ, cơ quan quản lý và cơ quan chuyên môn; phân tích, tổng hợp tài liệu, văn bản.
- Phương pháp khảo sát thực địa và điều tra xã hội học: khảo sát trên thực địa, phỏng vấn các cá nhân có liên quan, cơ quan quản lý, cơ quan chuyên môn; thu thập thông tin qua các mẫu phiếu tham vấn, phỏng vấn nhóm và điều tra sâu về một số lĩnh vực mà bảng hỏi và phỏng vấn chưa đề cập.
- Phương pháp thống kê: thu thập và xử lý các số liệu có liên quan tới nội dung nghiên cứu.
- Phương pháp chuyên gia: tham khảo ý kiến của các chuyên gia trong các lĩnh vực có liên quan.
- Phương pháp tiếp cận đa ngành, đa lĩnh vực: tiếp cận tổng hợp và đa lĩnh vực, bao gồm các vấn đề về Lịch sử, Văn hoá, Khảo cổ học, Kiến trúc, Xây dựng, Kinh tế, Du lịch, Quản lý, ...
- Phương pháp quy nạp: trên cơ sở phân tích lý thuyết và phân tích các ví dụ điển hình thực tiễn, khái quát hóa các vấn đề trong nghiên cứu.

** Những phát hiện và đóng góp chính về nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, tư vấn chính sách và ứng dụng thực tiễn.*

- Đã hoàn thành (chủ trì) 2 nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ: xây dựng tiêu chuẩn Quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia: TCVN 12185:2017: *Bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích kiến trúc nghệ thuật - thi công nghiệm thu kết cấu gỗ (2017)*; TCVN 12603:2018: *Bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích kiến trúc nghệ thuật - thi công, nghiệm thu phần nề ngõa (2018)*. Nhiệm vụ góp phần chuẩn hóa, thiết lập những cơ sở chuẩn mực cho việc thi công và nghiệm thu công tác bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích. Nhiệm vụ này càng có ý nghĩa khi trong thực tế tại Việt Nam hiện mới có 3 TCVN trong chuyên ngành bảo tồn di tích.
- Đã hoàn thành (chủ trì) 3 nhiệm vụ khoa học cấp Bộ về môi trường di tích: *Bảo vệ môi trường tại các Di tích cấp Quốc gia đặc biệt (thực hiện thí điểm tại Khu di tích Cô Loa, huyện Đông Anh, TP Hà Nội)*; *Bảo vệ môi trường tại các Di tích cấp Quốc gia (thực hiện thí điểm tại làng cổ Phước Tích, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế)*; *Bảo vệ môi trường tại các Di tích kiến trúc nghệ thuật cấp Quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Định (thực hiện thí điểm tại quần thể tháp bánh Ít, tháp Bình Lâm)*. Nhiệm vụ đã nghiên cứu đề xuất các giải pháp cơ bản nhằm BVMT di tích; đề xuất mô hình quản lý bảo vệ môi trường tại các di tích thành cổ xen lẫn dân cư, di tích cư trú, di tích đền tháp Chăm. Sau khi kết quả khoa học của nhiệm vụ được hoàn thành và

nghiệm thu, Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường đã tham mưu cho lãnh đạo Bộ chỉ đạo việc chuyển giao, đưa các kết quả khoa học vào thực tiễn quản lý bảo vệ môi trường tại các di tích có điều kiện tương đồng.

- Đã hoàn thành (chủ trì) 5 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở; 1 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở: các nghiên cứu này theo định hướng nghiên cứu cơ bản về di tích và công tác bảo tồn di tích, đã nhận diện đầy đủ, chính xác giá trị của di tích kiến trúc Việt Nam; các vấn đề trong hoạt động bảo tồn, tu bổ di tích; nghiên cứu, xây dựng hệ thống lý thuyết, lý luận về trùng tu di tích ở Việt Nam.
- Đã xuất bản 6 cuốn sách (3 cuốn sách chủ biên và 3 cuốn sách đồng chủ biên):
 - + *Kiến trúc chùa Việt Nam qua tư liệu Viện Bảo tồn di tích*, Tập 1.
 - + *Kiến trúc chùa Việt Nam qua tư liệu Viện Bảo tồn di tích*, Tập 2.
 - + *Kiến trúc đình làng Việt qua tư liệu Viện Bảo tồn di tích*, Tập 1.
 - + *Kiến trúc đình làng Việt qua tư liệu Viện Bảo tồn di tích*, Tập 2.
 - + *Architecture of the Vietnamese Communal Houses from the Institute for Conservation of Monuments' Archive*, Volume 1.
 - + *Hình tượng linh vật trong di tích kiến trúc qua tư liệu Viện Bảo tồn di tích*.Dựa trên các hồ sơ tư liệu của Viện Bảo tồn di tích, tác giả đã lựa chọn, biên tập, khảo cứu theo từng chủ đề để cho thấy một bức tranh khá toàn diện về kiến trúc truyền thống của người Việt. Sử dụng cách tiếp cận đa ngành, kiến trúc, lịch sử, mỹ thuật, tôn giáo... cộng với sự hỗ trợ của các kỹ thuật của ngành kiến trúc, nhiếp ảnh... Các cuốn sách đã được đánh giá cao không chỉ về tư liệu khảo cứu mà còn ở những kiến giải, nhận định sắc sảo về đặc trưng của kiến trúc truyền thống Việt.

3. Liệt kê và nêu tóm tắt những kết quả và ý nghĩa của 5 công trình khoa học tiêu biểu.

3.1. Sách *Kiến trúc đình làng Việt qua tư liệu Viện Bảo tồn di tích (tập 2)* – Hoàng Đạo Cương (cb). Nxb Văn hóa Dân tộc (2018).

Dựa trên các hồ sơ tư liệu của Viện Bảo tồn di tích, tác giả đã lựa chọn, biên tập, khảo cứu về 12 ngôi đình của vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng. Với khoảng hơn 200 trang bao gồm các bài viết, bản vẽ, ảnh chụp hiện trạng của từng ngôi đình. Cuốn sách là một công trình nghiên cứu công phu, có tính hệ thống về đình làng từ thế kỷ 17 đến thế kỷ 19, từ kiến trúc, lịch sử xây dựng, nghệ thuật trang trí, chạm khắc, hệ thống di vật, các sinh hoạt văn hóa cho đến hiện trạng bảo tồn. Cuốn sách được các nhà chuyên môn đánh giá cao và coi là cẩm nang cho các nhà nghiên cứu về kiến trúc đình làng Việt nói riêng cũng như kiến trúc truyền thống Việt nói chung.

3.2. Sách *Kiến trúc chùa Việt Nam qua tư liệu Viện Bảo tồn di tích (tập 2)* – Hoàng Đạo Cương (cb). Nxb Văn hóa Dân tộc (2018).

Dựa trên các hồ sơ tư liệu của Viện Bảo tồn di tích, tác giả đã lựa chọn, biên tập, khảo cứu 10 ngôi chùa vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng. Tác giả đã cho

thấy một bức tranh khá toàn diện về kiến trúc chùa của người Việt từ thế kỷ 14 đến thế kỷ 17 và những dấu mốc trùng tu về sau. Sử dụng cách tiếp cận đa ngành, kiến trúc, lịch sử, mỹ thuật, tôn giáo... cộng với sự hỗ trợ của các kỹ thuật của ngành kiến trúc, nhiếp ảnh... Cuốn sách đã được đánh giá cao không chỉ về tư liệu khảo cứu của từng ngôi chùa mà còn ở những kiến giải, nhận định sắc sảo về đặc trưng của các loại hình chùa, sự chuyên hóa giữa các kiến trúc tôn giáo tín ngưỡng của người Việt.

3.3. Nhiệm vụ khoa học và phát triển công nghệ: Xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: *TCVN 12603:2018: Bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích kiến trúc nghệ thuật - Thi công và nghiệm thu phần nề ngõa*.

Là nhiệm vụ khoa học và phát triển công nghệ cấp Bộ được thực hiện năm 2017-2018, gồm các nội dung: Thuật ngữ và định nghĩa, Quy định chung, Yêu cầu về vật liệu, Thi công và nghiệm thu công tác bảo quản, tu bổ, phục hồi chi tiết trang trí nề ngõa. Nhiệm vụ góp phần chuẩn hóa, thiết lập những cơ sở chuẩn mực cho việc thi công và nghiệm thu công tác bảo quản, tu bổ, phục hồi các chi tiết trang trí nề ngõa, nâng cao chất lượng công tác bảo tồn di tích. Nhiệm vụ này càng có ý nghĩa khi trong thực tế tại Việt Nam, bảo tồn di tích là hoạt động chuyên ngành mang tính đặc thù cao, công tác bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích là một công việc phức tạp, đòi hỏi sự tham gia của nhiều ngành và đáp ứng nhiều yêu cầu khoa học, kỹ thuật đặc biệt. Nhiều vấn đề trong bảo tồn tu bổ di tích có thể áp dụng qui chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng, nhưng cũng có rất nhiều nội dung trong hoạt động bảo tồn tu bổ di tích có tính đặc thù chuyên ngành, hoàn toàn khác biệt với xây dựng cơ bản, cần phải có qui chuẩn, tiêu chuẩn riêng (vd: hạ giải, bảo quản...). Việc thiếu hụt tiêu chuẩn chuyên ngành bảo tồn (hiện mới có 3 TCVN trong chuyên ngành bảo tồn di tích) không những gây khó khăn và làm giảm hiệu quả của công tác bảo tồn trùng tu di tích mà nguy hiểm hơn nữa, còn làm suy giảm, thậm chí mất mát các giá trị gốc của di tích do cách làm thiếu chuẩn mực của các bên tham gia. Do vậy đây là nhiệm vụ được ứng dụng hiệu quả trong thực tiễn bảo tồn di tích.

3.4. Nhiệm vụ khoa học công nghệ và môi trường *Bảo vệ môi trường tại các di tích cấp quốc gia (thực hiện thí điểm tại làng cổ Phước Tích, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế)*.

Là nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ được thực hiện năm 2017-2018, nhiệm vụ có mục tiêu tăng cường hiệu quả bảo vệ môi trường bền vững cho các Di tích cấp Quốc gia nhằm bảo tồn phát huy giá trị di tích; xây dựng mô hình BVMT tại các Di tích cấp Quốc gia thông qua việc bảo tồn và cải thiện môi trường tại làng cổ Phước Tích, làm cơ sở để áp dụng hiệu quả các vấn đề BVMT cho các di tích có điều kiện tương đồng khác trong cả nước. Nội dung của nhiệm vụ KH-CN bao gồm: Tổng quan về thực trạng môi trường và công tác quản lý BVMT tự nhiên, môi trường văn hóa xã hội tại Di tích; Cơ sở khoa học của việc đề xuất các giải pháp nhằm BVMT di tích; Đề xuất mô hình quản lý bảo vệ môi trường tại làng cổ Phước Tích, từ đó xây dựng mô hình BVMT Di tích cấp Quốc gia có điều kiện tương đồng (là các di tích cư trú) trong cả nước. Sau khi kết quả

khoa học của nhiệm vụ được hoàn thành và nghiệm thu, Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường đã tham mưu cho lãnh đạo Bộ chỉ đạo việc chuyển giao, đưa các kết quả khoa học vào thực tiễn quản lý bảo vệ môi trường tại các di tích cấp Quốc gia có điều kiện tương đồng. Kết quả khoa học của nhiệm vụ đã được ứng dụng hiệu quả trong thực tiễn quản lý nhà nước trong lĩnh vực văn hóa.

3.5. Xây dựng nội dung chương trình đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ tu bổ di tích

Dự án đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích được xây dựng nhằm mục tiêu từng bước hoàn thiện việc đào tạo nhân lực chuyên ngành bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích. Trong đó, giai đoạn 2009 – 2010 tập trung vào việc xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo, giai đoạn 2010-2015 đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ đối với các cán bộ kỹ thuật đang hoạt động trong lĩnh vực bảo tồn di tích, các giai đoạn tiếp theo sẽ đào tạo bồi dưỡng, bổ sung kiến thức cho đội ngũ thợ chuyên ngành tu bổ di tích (thợ mộc và thợ nề gỗ).

Chương trình được xây dựng với tổng số tiết học là 180 tiết, trong đó có 80 tiết lý thuyết với 12 chuyên đề thuộc 5 môn học cơ bản trong lĩnh vực BTDT bao gồm: 1. Nguyên lý bảo tồn di tích; 2. Di tích Việt Nam; 3. Công tác bảo tồn, tu bổ di tích ở Việt Nam; 4. Xây dựng và thực thi dự án bảo tồn, tu bổ di tích; 5. Kỹ thuật và công nghệ bảo tồn tu bổ di tích. Tác giả đã tham gia xây dựng nội dung của 2 môn học số 2 và 3. Đây là 2 môn học cơ bản trong chương trình đào tạo, cung cấp cho học viên kiến thức tổng quan về di tích Việt Nam với ý nghĩa là đối tượng của công tác bảo tồn, tu bổ di tích, làm cơ sở cho việc vận dụng trong hoạt động bảo tồn, tu bổ di tích thực tế; cung cấp kiến thức cần thiết về các hoạt động bảo tồn và tu bổ di tích trên thế giới và ở Việt Nam để có những hiểu biết tổng quan về hoạt động bảo tồn di tích ở Việt Nam.

2 môn học trên cũng đã được Bộ VH-TT-DL đưa vào Khung Chương trình Bồi dưỡng kiến thức về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh (Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch). Cho đến nay, chương trình đã đào tạo được 29 khóa đào tạo với 1256 học viên là các kiến trúc sư, kỹ sư xây dựng, góp phần không nhỏ cho việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho hoạt động bảo tồn di tích.

Cùng với việc đào tạo các cán bộ kỹ thuật, 2 môn học Di tích Việt Nam và Công tác bảo tồn, tu bổ di tích ở Việt Nam cũng được giảng dạy trong chương trình đào tạo thợ chuyên ngành tu bổ di tích (thợ mộc) do Viện Bảo tồn di tích thực hiện từ năm 2017, với nội dung tập trung giới thiệu cho học viên cách nhận diện các giá trị của di tích, từ đó có các ứng xử phù hợp với di tích. Đồng thời cụ thể hóa các dạng hư hỏng của di tích, đề xuất các giải pháp tu bổ phù hợp.

Bên cạnh đó, 2 môn học trên cũng được đưa vào giảng dạy tại Chương trình đào tạo trùng tu di tích và bảo tồn di sản văn hóa do Viện Bảo tồn di tích phối hợp với Trung tâm đào tạo nghề trùng tu di tích và bảo tồn văn hóa tại Quảng Nam tổ chức (dưới sự tài trợ của quỹ Lerici), nhằm đào tạo đội ngũ cán bộ thực thi công tác tu bổ các di tích kiến trúc Chăm tại Việt Nam

4. Các giải thưởng về thành tích NCKH.

- Bằng Sáng tạo kiến trúc - Giải Nhất cuộc thi Sáng tác biểu tượng triền lãm “Kiến trúc Hà Nội từ truyền thống đến hiện đại” - Hội Kiến trúc sư Việt Nam, Hội Kiến trúc sư Pháp – 2001.
- Giải Nhì (không có giải Nhất) giải thưởng Kiến trúc Quốc gia: Công trình đền Âu Cơ, Khu di tích lịch sử Đền Hùng - Bộ Văn hóa Thông tin, Bộ Xây dựng, Hội Kiến trúc sư Việt Nam – 2005.

5. Định hướng phát triển nghiên cứu trong tương lai; lý do xác định những định hướng nghiên cứu này.

Khoa học và công nghệ luôn được xác định giữ vai trò then chốt đối với công cuộc phát triển kinh tế xã hội nói chung và đối với lĩnh vực bảo tồn, phát huy giá trị di sản nói riêng. Để bảo tồn di sản, cần giải quyết các vấn đề về văn hóa - xã hội, kiến trúc - công nghệ truyền thống mang tính chuyên sâu, đồng thời cũng cần có các nghiên cứu chính sách phù hợp nhằm giải quyết mâu thuẫn giữa bảo tồn – phát triển. Hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ là nhiệm vụ quan trọng nhằm giải quyết các vấn đề nêu trên. Các nghiên cứu khoa học cần mang tính cơ bản, tính ứng dụng, tính triển khai và tính dự báo, là cơ sở để triển khai trong hoạt động bảo tồn trong thực tế, giúp các nhà quản lý xây dựng chiến lược, quy hoạch ngành; xây dựng các chế độ, chính sách về các vấn đề cụ thể trong ngắn hạn và dài hạn. Các định hướng nghiên cứu trong tương lai bao gồm:

- Nghiên cứu cơ bản về di tích và công tác bảo tồn di tích

Các nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản về di tích và công tác bảo tồn di tích, nhằm nhận diện đầy đủ, chính xác giá trị của di sản văn hóa, xây dựng cơ sở khoa học cho các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản, đồng thời làm cơ sở khoa học cho công tác quản lý nhà nước.

Việc xây dựng kế hoạch, xác định nội dung nghiên cứu được tiến hành trên cơ sở thực hiện đồng đều ở các loại hình di tích, các vùng miền, trên các khía cạnh về khoa học xã hội và khoa học bảo tồn của di tích. Từ các kết quả của nghiên cứu, hệ thống hóa quá trình hình thành, xây dựng, quá trình biến đổi chuyển hóa cũng như những đặc trưng cơ bản của các loại hình di tích trong hệ thống di sản văn hóa ở Việt Nam, là cơ sở cho những luận cứ khoa học để cơ quan quản lý nhà nước ban hành các chính sách về di sản văn hóa, quy hoạch, kế hoạch bảo tồn di tích trên cả nước... Các nghiên cứu khoa học bảo tồn nhằm phân tích đặc điểm vật liệu cấu thành nên di tích (nghiên cứu về gạch Chăm, vật liệu gỗ ở các di tích truyền thống Việt, vật liệu đá trong di tích...) cũng là một hướng nghiên cứu cần được triển khai

- Nghiên cứu xây dựng luận cứ khoa học tham mưu cho cơ quan quản lý nhà nước hoạch định chiến lược, chính sách trong lĩnh vực quản lý và bảo tồn di tích

Nghiên cứu, xây dựng hệ thống lý thuyết, lý luận về trùng tu di tích ở Việt Nam, làm cơ sở khoa học cho việc xây dựng các văn bản pháp quy của nhà nước trong lĩnh vực bảo tồn di tích và quản lý di sản. Hiện nay, hệ thống lý thuyết,

nguyên tắc bảo tồn các di tích kiến trúc gỗ, gạch, hệ thống di tích tôn giáo tín ngưỡng và các làng truyền thống đã được hình thành và trở thành cơ sở cho hoạt động bảo tồn di tích, cần tổ chức nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, kinh nghiệm quốc tế về quản lý và bảo tồn di tích, các vấn đề kinh tế, xã hội có liên quan phục vụ công tác xây dựng chiến lược, chính sách trên các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước: ví dụ nghiên cứu thực trạng công tác bảo tồn di tích, cộng đồng với bảo tồn di tích, lý giải nguyên nhân và đề xuất những giải pháp để nâng cao chất lượng khoa học cho hoạt động bảo tồn tu bổ di tích; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong hoạt động bảo tồn tu bổ di tích; giải quyết mối quan hệ giữa bảo tồn di tích với phát triển kinh tế xã hội...

- Nghiên cứu ứng dụng: nghiên cứu khoa học chuyên ngành bảo tồn di tích, đề xuất các tiêu chuẩn, quy phạm, định mức kinh tế kỹ thuật, quy trình công nghệ và kỹ thuật bảo tồn di tích, bảo quản, phục chế hiện vật. Xây dựng cơ sở khoa học để lựa chọn giải pháp thích hợp nhằm bảo tồn di tích.

Nghiên cứu kỹ thuật, công nghệ truyền thống trong bảo tồn di tích; nghiên cứu kỹ thuật, công nghệ và quy trình bảo quản/ phục chế hiện vật..., làm cơ sở cho việc xây dựng các quy chuẩn, quy phạm, định mức kinh tế - kỹ thuật, quy trình công nghệ và kỹ thuật bảo tồn di tích, bảo quản, phục chế hiện vật, nhằm hình thành những chuẩn mực trong công tác bảo tồn, trùng tu di tích, nâng cao chất lượng khoa học và hiệu quả đầu tư.

- Nghiên cứu đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực về bảo tồn di tích

Việc nghiên cứu xây dựng nội dung chương trình đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ tu bổ di tích đã được thực hiện từ năm 2009, kể từ đó đến nay, luôn có sự nghiên cứu cập nhật về nội dung và chương trình, hướng tới việc mở rộng đào tạo đối với các đối tượng tham gia công tác bảo tồn, phát huy giá trị di tích (đội ngũ thợ nghề, chủ di tích, người tham gia khai thác di tích...). Hiện hoạt động đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ tu bổ di tích là một nhiệm vụ thường xuyên của Viện, do vậy cần thực hiện kế hoạch nghiên cứu đánh giá nhu cầu đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong công tác bảo tồn phát huy di tích; xây dựng và tổ chức các chương trình đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ tu bổ di tích phù hợp với từng đối tượng, nhằm xây dựng một đội ngũ thực thi công tác bảo tồn di tích trên phạm vi cả nước với số lượng nhân lực đáp ứng yêu cầu thực tế của công tác bảo tồn di tích, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề tương ứng đảm bảo yêu cầu và nâng cao chất lượng công tác bảo tồn di tích.

II. ĐÀO TẠO

1. Chuyên ngành đã, đang tham gia đào tạo; đóng góp đối với sự phát triển chuyên ngành.

Chuyên ngành đã, đang tham gia đào tạo: Lý luận và Bảo tồn di sản.

2. Những môn học, chuyên đề đã tham gia giảng dạy.

- Bảo tồn di sản Kiến trúc (lý thuyết)

- Thiết kế Kiến trúc (Đồ án K2 đến K10)

- Hướng dẫn Đồ án tốt nghiệp.

3. Thành tích chính trong đào tạo sau đại học

- Hướng dẫn Luận văn thạc sĩ: đã hướng dẫn 07 học viên bảo vệ thành công Luận văn thạc sĩ - đã có bằng Thạc sĩ; đang hướng dẫn 02 học viên khóa 2017-2019 thực hiện luận văn thạc sĩ.

- Tham gia nhận xét, phản biện luận án tiến sĩ; tham gia Hội đồng chấm luận án tiến sĩ

Các luận văn thạc sĩ do tôi hướng dẫn đã bảo vệ thành công:

- Bảo tồn phố cổ Đồng Văn, thị trấn Đồng Văn, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang, Phạm Thanh Thủy, Khóa 2011-2013;
- Định hướng và giải pháp chỉnh trang cảnh quan kiến trúc 1 phố ở khu di sản Phố cổ Hà Nội (lấy phố Mã Mây làm ví dụ), Trần Chí Linh, Khóa 2013-2015;
- Đặc điểm và giá trị kiến trúc nhà ở làng Cự, Phú Xuyên, Hà Nội, Trương Tiến Sĩ, Khóa 2014-2016;
- Đặc điểm giá trị kiến trúc truyền thống làng nghề Phù Lãng, Quế Võ, Bắc Ninh, Nguyễn Phương Thương, Khóa 2014-2016;
- Phương pháp trùng tu các tháp Chăm tại khu di tích Mỹ Sơn – Quảng Nam, lấy tháp E7 làm đối tượng nghiên cứu, Đặng Khánh Ngọc, Khóa 2015-2017;
- Đặc điểm giá trị kiến trúc buôn làng Xê Đăng tại Kontum, Phạm Đình Phương, Khóa 2016-2018.

4. Tham gia xây dựng chương trình đào tạo, nghiên cứu khoa học tại các cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu (nêu rõ tên các chương trình đã được hiệu trưởng, viện trưởng,... phê duyệt); đóng góp chủ yếu, có tính chất sáng tạo và độc đáo trong các chương trình này.

- Tham gia xây dựng chương trình và nội dung giảng dạy của dự án *Đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ tu bổ di tích (2009)*, đối tượng đào tạo là các cán bộ tham gia công tác quản lý, giám sát, thực thi hoạt động tu bổ di tích. Từ 2009 đến nay, Viện Bảo tồn di tích đã tổ chức 29 khóa đào tạo với 1200 học viên được cấp chứng chỉ.
- Tham gia xây dựng chương trình và nội dung giảng dạy của đề án *Đào tạo, chuẩn hóa thợ chuyên ngành tu bổ di tích (2016)*, gồm các nội dung giảng dạy về Công tác bảo tồn tu bổ di tích ở Việt Nam, Nguyên lý bảo tồn trùng tu di tích và Kỹ thuật công nghệ bảo tồn trùng tu di tích.
- Tham gia xây dựng nội dung giảng dạy của Chương trình đào tạo trùng tu di tích và bảo tồn di sản văn hóa do Viện Bảo tồn di tích phối hợp với Trung tâm đào tạo nghề trùng tu di tích và bảo tồn văn hóa tại Quảng Nam tổ chức (dưới sự tài trợ của quỹ Lerici), nhằm đào tạo đội ngũ cán bộ thực thi công tác tu bổ các di tích kiến trúc Chăm tại Việt Nam

5. Những đóng góp chính (nếu có) về việc đổi mới phương pháp giảng dạy ở đại

học.

- Đề cao việc học phải đi đôi với hành, lý thuyết không thể tách rời thực tế. Đưa các ví dụ trong thực tế vào nội dung bài giảng lý thuyết cũng như các đồ án Kiến trúc.
- Tăng cường trao đổi, thảo luận giữa giảng viên và sinh viên, đặt ra tình huống để sinh viên rèn luyện kỹ năng giải quyết vấn đề, trình bày ý tưởng của mình với người khác, giúp buổi học có sự trao đổi thông tin đa chiều, nhằm giúp sinh viên phát triển khả năng suy nghĩ độc lập, sự tự tin và kỹ năng và hợp tác trong công việc.

III. NHỮNG ĐÓNG GÓP KHÁC

IV. KẾT LUẬN

Qua 27 năm nghiên cứu khoa học, 10 năm giảng dạy, tham gia các dự án sự nghiệp kinh tế và công tác tư vấn bảo tồn thực tế, tôi tự nhận thấy bản thân đã cố gắng thực hiện tốt các nhiệm vụ của một cán bộ nghiên cứu khoa học và giảng viên với tinh thần trách nhiệm cao. Các hoạt động giảng dạy, hoạt động nghiên cứu đã đạt được một số kết quả và thành tựu nhất định. Trong quá trình giảng dạy, tôi luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao và thực hiện vượt mức số giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của Luật giáo dục Đại học đối với giảng viên cơ hữu và giảng viên thỉnh giảng, luôn có sự nỗ lực và trách nhiệm trong việc truyền dạy kiến thức cho các lớp học viên/sinh viên. Ngoài ra, tôi luôn coi việc tổ chức, giảng dạy, nghiên cứu xây dựng nội dung chương trình các khóa ngắn hạn Đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ tu bổ di tích là nhiệm vụ thường xuyên hàng đầu trong công tác tại Viện Bảo tồn di tích.

Việc đăng ký ứng viên chức danh Phó giáo sư là vinh dự và cũng là động lực cho tôi phấn đấu, tích cực đóng góp nhiều hơn trong công tác giảng dạy, đào tạo, nghiên cứu khoa học và ứng dụng thực tiễn.

Đối chiếu với các tiêu chuẩn của chức danh Phó Giáo sư, tôi nhận thấy các kết quả trong đào tạo và nghiên cứu khoa học của mình đã có những kết quả nhất định. Tôi xin kính trình báo cáo này lên Hội đồng Giáo sư cơ sở Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, Hội đồng giáo sư liên ngành Xây dựng-Kiến trúc và Hội đồng Giáo sư Nhà nước.

Kính mong Hội đồng xem xét và chấp thuận

Tôi xin trân trọng cảm ơn!

Hà Nội, ngày 17 tháng 6 năm 2019

Người viết báo cáo

(đã ký)

TS. KTS. Hoàng Đạo Cương